

Số: **52** /KL-TTr

Hà Nội, ngày **03** tháng **4** năm 2023

### **KẾT LUẬN THANH TRA**

#### **Việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương**

Thực hiện Quyết định số 48/QĐ-TTr ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại doanh nghiệp, ngày 09 tháng 3 năm 2023, Đoàn thanh tra của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành thanh tra tại Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 27/3/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

#### **I. Những vấn đề chung**

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700248731 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 08/6/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 08/11/2022.
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: chăm sóc cây cao su và khai thác mủ cao su; đầu tư, xây dựng nhà ở công nhân.
- Điện thoại giao dịch: 0274 (3586338- 3586 598); Fax: 0274 3586082
- Trụ sở chính của doanh nghiệp: đường ĐT 750 ấp Ông Thanh, xã Cây Trường II, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.
- Tài khoản giao dịch số 65010003204119 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.
- Đã thành lập tổ chức công đoàn.
- Tổng số người đang làm việc tại doanh nghiệp: 33 người.
- Thời điểm thanh tra tháng 03/2023, doanh nghiệp đang tạm dừng hoạt động trồng, khai thác, chế biến mủ cao su; không có dự án xây dựng nhà ở công nhân. Doanh nghiệp chỉ duy trì người lao động làm việc tại bộ phận văn phòng và bảo vệ các lô cao su.

#### **II. Kết quả kiểm tra, xác minh**

##### **1. Các loại báo cáo định kỳ**

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hàng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.





- Đã báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

## **2. Tuyển dụng và đào tạo lao động**

- Doanh nghiệp đăng thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng. Doanh nghiệp tuyển dụng bằng hình thức phỏng vấn trực tiếp. Trong thời kỳ thanh tra doanh nghiệp tuyển mới 31 lao động.

- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động.

- Doanh nghiệp không xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không phát sinh việc ký kết hợp đồng đào tạo nghề với người lao động.

- Doanh nghiệp cập nhật thông tin theo dõi, quản lý người lao động bằng sổ quản lý người lao động.

## **3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)**

- Số người không thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động: 01 người

- Số người thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động: 32 người.

- Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 32 người, trong đó:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 29 người;

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn (từ đủ 03 tháng đến 36 tháng): 03 người;

- Số người lao động thuê lại: 0 người.

- Số người chưa được giao kết hợp đồng lao động: 0 người.

- Hợp đồng lao động giao kết với người lao động làm công nhân ghi chưa cụ thể: mục công việc phải làm ghi “thực hiện nhiệm vụ dưới sự phân công của trưởng phòng; hoàn thành những công việc khác theo yêu cầu sản xuất của công ty và của Ban giám đốc”, mục chế độ nghỉ ngơi ghi “theo quy định của Nhà nước”.

- Số lao động bị mất việc làm từ 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm thanh tra: 0 người.

- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc: không phát sinh.

- Số lao động thôi việc từ 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm thanh tra: 38 người, không có lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc.

## **4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thoả ước lao động tập thể (TULĐTT)**

- Đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc 01 lần/quý.

- Đã ký kết TULĐTT ngày 14/5/2021 có thời hạn 03 năm. Hồ sơ TULĐTT của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội



dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng.

- Đã thực hiện theo nội dung TULĐTT đã ký kết.
- Đã gửi TULĐTT đã ký kết đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.
- Đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở.

### **5. Tiền lương và trả công lao động**

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 4.680.000 đồng/ tháng.
- Thu nhập thấp nhất, cao nhất, bình quân: mức thấp nhất là 6.500.000 đồng/người/tháng; mức cao nhất là 28.000.000 đồng/người/tháng; mức bình quân là 10.900.000 đồng/người/tháng.
- Phương pháp trả lương: doanh nghiệp áp dụng hai hình thức trả lương bằng tiền mặt và qua tài khoản. Kinh phí mở tài khoản và chuyển tiền lương do doanh nghiệp chi trả.
- Hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: theo thời gian (theo tháng).
- Doanh nghiệp đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.
- Tiền lương làm thêm giờ, làm vào ngày nghỉ có hưởng lương, ngày lễ: không phát sinh.
- Đã trả đủ tiền lương làm việc vào ban đêm cho người lao động.
- Tiền lương làm thêm vào ban đêm: không phát sinh.
- Đã trả lương những ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động khi thôi việc.
- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh.
- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động: không phát sinh.
- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh
- Đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động với mức: 730.000 đồng/người/tháng.

### **6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi**

- Thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần: 08 giờ/ ngày; 48giờ/tuần.
- Việc thực hiện các quy định về thời giờ nghỉ ngơi:
  - + Nghỉ giữa giờ làm việc: 02 giờ đối với người lao động làm việc theo giờ hành chính;
  - + Nghỉ giữa ca: 45 phút đối với người lao động làm việc theo ca.
- Số giờ làm thêm hằng ngày, hằng tuần và hằng năm: không phát sinh.



- Việc thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương: doanh nghiệp thực hiện đúng quy định của pháp luật Lao động.

- Người lao động làm công việc bình thường là 12 ngày và cứ đủ 5 năm làm việc người lao động được nghỉ thêm 1 ngày. Người chưa làm đủ 12 tháng thì được nghỉ tương ứng với số tháng làm việc cứ 1 tháng được nghỉ 1 ngày.

- Người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm là 14 ngày và cứ đủ 5 năm làm việc người lao động được nghỉ thêm 1 ngày.

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không phát sinh.

### **7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất**

- Người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động: chưa quy định người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động theo quy định.

- Doanh nghiệp đã xây dựng, đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương. Nội quy lao động chưa quy định trình tự, thủ tục xử lý hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc; chưa quy định danh mục tài sản, tài liệu, bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, sở hữu trí tuệ; trường hợp được tạm thời chuyển người lao động làm việc khác so với hợp đồng lao động.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không xử lý kỷ luật lao động.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

### **8. Lao động đặc thù**

#### **8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ**

- Số lao động nữ: 11 người.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ:

+ Thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi; lao động nữ trong thời gian hành kinh.

+ Không có trường hợp sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.

+ Bố trí chỗ thay quần áo, buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

- Doanh nghiệp chưa thực hiện giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

#### **8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên**

Doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên

#### **8.3. Đối với lao động là người nước ngoài**

Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người nước ngoài.



#### **8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi**

- Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật.
- Doanh nghiệp sử dụng 01 lao động cao tuổi (đã hưởng chế độ hưu trí).
- Việc thực hiện chế độ giảm giờ làm việc đối với lao động cao tuổi: người lao động không yêu cầu về thỏa thuận giảm giờ làm.
- Việc khám sức khỏe định kỳ cho người lao động là người lao động cao tuổi: khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần.

#### **9. Khiếu nại, tranh chấp lao động**

Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không xảy ra tranh chấp, khiếu nại về lao động, không xảy ra đình công.

- Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không xảy ra đình công.
- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có khiếu nại về lao động.

#### **10. An toàn lao động, vệ sinh lao động**

- Số lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 09 người bảo vệ lô cao su.
- Số lao động làm các công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 0 người.
- Số lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: chưa thống kê.
- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm.
- Chưa thành lập Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động do doanh nghiệp không thuộc trường hợp bắt buộc phải thành lập.
- Chưa thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.
- Số lượng người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động: 01 người bán chuyên trách.
- Doanh nghiệp ký hợp đồng với cơ sở khám, chữa bệnh để chăm sóc sức khỏe cho người lao động.
- Doanh nghiệp không sử dụng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.
- Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.
- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động định kỳ hằng năm cho 33 người lao động tại doanh nghiệp.
- Đã cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo quy định.
- Đã bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại.
- Tổng số vụ tai nạn lao động từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra: 0 vụ.
- Đã quan trắc môi trường lao động hằng năm.



- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động; khám sức khỏe 6 tháng/lần cho lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, người làm trong môi trường có yếu tố có hại.

- Chưa lập hồ sơ theo dõi sức khỏe của người lao động.

### **11. Bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN)**

- Số người thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN: 32 người.

- Số người đã tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN: 32 người, số người chưa tham gia: 0 người.

- Số người không thuộc đối tượng tham gia: 01 lao động đã hưởng chế độ hưu trí, doanh nghiệp đã trả thêm cùng lúc với kỳ trả lương khoản tiền tương đương với mức người sử dụng lao động đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.

- Tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN là tiền lương theo hợp đồng lao động, các khoản bổ sung khác đã xác định được mức tiền cụ thể trong hợp đồng lao động.

- Số tiền phải nộp cho cơ quan BHXH hằng tháng: 102.000.000 đồng.

- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã đóng bảo hiểm xã hội đến hết tháng 01/2023.

### **III. Kết luận**

#### **1. Những quy định của pháp luật đã được doanh nghiệp thực hiện**

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động; báo cáo định kỳ về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Thực hiện tuyển dụng trực tiếp; không thu phí tuyển dụng người lao động.

1.3. Đã giao kết hợp đồng lao động với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.4. Đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc; ký kết và gửi TULĐTT đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương; ban hành quy chế dân chủ cơ sở.

1.5. Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động; mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định; đã trả lương những ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động khi thôi việc; hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động với mức 730.000 đồng/người/tháng.



1.6. Thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần không vượt quá thời gian quy định; huy động làm thêm giờ không vượt quá 40 giờ/tháng, 200 giờ/năm.

1.7. Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương và ngày nghỉ hằng năm theo quy định.

1.8. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.9. Đã thực hiện các quy định đối với lao động nữ: giảm thời giờ làm việc đối với lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi, lao động nữ trong thời gian hành kinh. Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm, buồng vệ sinh và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi sinh.

1.10. Đã thực hiện khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần đối với lao động là người cao tuổi.

1.11. Đã thực hiện các quy định về an toàn, vệ sinh lao động: thống kê lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm; xây dựng kế hoạch an toàn vệ sinh lao động; xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc; trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; quan trắc môi trường lao động; khám sức khỏe định kỳ; trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.12. Đã tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho 100% người lao động thuộc đối tượng phải tham gia; tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN là tiền lương theo hợp đồng lao động, các khoản bổ sung khác đã xác định được mức tiền cụ thể trong hợp đồng lao động; đã trả cùng lúc với kỳ trả lương khoản tiền tương đương với mức người sử dụng lao động đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động đã hưởng chế độ hưu trí; đã nộp đủ tiền BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNĐ đến hết tháng 01/2023.

## **2. Những quy định của pháp luật chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ**

2.1. Chưa xây dựng kế hoạch hằng năm về đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 60 Bộ luật Lao động.

2.2. Hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động có nội dung ghi chưa cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên: mục công việc phải làm ghi “thực hiện nhiệm vụ dưới sự phân công của trưởng phòng, hoàn thành những công việc khác theo yêu cầu sản xuất của công ty và của Ban giám đốc”, mục chế độ nghỉ ngơi ghi “theo quy định của Nhà nước” là chưa đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động, Chương II Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.3. Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động và không có



biên bản cuộc họp thương lượng là chưa đúng quy định tại Điều 70 Bộ luật Lao động.

2.4. Nội quy lao động của doanh nghiệp chưa quy định trình tự, thủ tục xử lý hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc; chưa quy định danh mục tài sản, tài liệu, bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, sở hữu trí tuệ; trường hợp được tạm thời chuyển người lao động làm việc khác so với hợp đồng lao động là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 118 Bộ luật Lao động.

2.5. Chưa thực hiện giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động là chưa đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.6. Chưa thống kê, phân loại lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động (doanh nghiệp có người lái xe ô tô các loại) theo quy định tại Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH ngày 20/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.7. Chưa thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.8. Chưa lập hồ sơ quản lý, theo dõi sức khỏe người lao động là chưa đúng quy định tại Điều 3 Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

**IV. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng:** không.

**V. Kiến nghị các biện pháp xử lý**

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu doanh nghiệp khắc phục các vi phạm nêu tại phần 2, mục III Kết luận thanh tra này như sau:

- Khắc phục vi phạm tại điểm 2.1, 2.2, 2.3 và 2.8 phần 2, mục III Kết luận thanh tra này khi có phát sinh.

- Khắc phục các vi phạm còn lại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra và báo cáo (bằng văn bản) kết quả thực hiện các kiến nghị (kèm các tài liệu chứng minh) về Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

**Nơi nhận:**

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Công TTĐT Bộ;
- Trang TTĐT TTr Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, hồ sơ TTr.

**CHÁNH THANH TRA**



**Nguyễn Tiên Tùng**